

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thuý Vân.

2. Bà Lê Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H; sinh năm 1983; số CCCD: 011183004888; địa chỉ: Bản G, xã N, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H1; sinh năm 1978; số CCCD: 045078003900; địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn H1 kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên) theo Trích lục kết hôn số 01/2026/TLKH-BS ngày 05/01/2026 của UBND xã N, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị H đã trở về sinh sống tại xã N, tỉnh Điện Biên và sống ly thân với anh H1 hơn 10 năm nay. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau nên mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn anh Phan Văn H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung: Cháu Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Phan Thị Thúy K, sinh ngày 10/10/2009. Cháu Phan Thị Mỹ H2 có khuyết tật nhưng cháu vẫn lao động, tự chăm sóc được bản thân. Từ ngày chị H về Điện Biên sinh sống thì các cháu sống cùng anh H1 tại thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị và được anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao hai con cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thúy K mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không đến tham gia phiên tòa được nên chị Lò Thị H đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Anh Phan Văn H1 không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn với anh Phan Văn H1. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Phan Thị Thúy K, sinh ngày 10/10/2009 cho anh Phan Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thúy K mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Kiều thành N và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn chị Lò Thị H và bị đơn anh Phan Văn H1. Chị Lò Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Phan Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên) theo Trích lục kết hôn số 01/2026/TLKH-BS ngày 05/01/2026 của UBND xã N, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh H1 đã sống ly thân hơn 10 năm nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị H xin ly hôn anh H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Lò Thị H và anh Phan Văn H1 có 02 con chung: Cháu Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Phan Thị Thúy K, sinh ngày 10/10/2009. Cháu Phan Thị Mỹ H2 có khuyết tật nhưng cháu vẫn tự chăm sóc được bản thân và đang được hưởng trợ cấp hàng tháng. Xét thấy, hiện nay các cháu đang sống cùng anh H1 tại thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chị H về tỉnh Điện Biên sinh sống, hai cháu đều được anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với anh H1. Chị H có nguyện vọng giao hai con cho anh H1 nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của con và xin cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại Hội L1 xã và lời khai của ông Phan Văn L (bố của anh Phan Văn H1), quá trình chị H trở về tỉnh Điện Biên để sinh sống, anh H1 đều chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho hai cháu H2, K. Anh Phan Văn H1 là thợ sơn tít, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con.

Vì vậy, cần giao cháu H2 và cháu K cho anh H1 nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thúy K mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn anh Phan Văn H1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thị Mỹ H2, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Phan Thị Thúy K, sinh ngày 10/10/2009 cho anh Phan Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thúy K, sinh ngày 10/10/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Kiều thành N và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000317 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nà Tấu;
- Công an xã Nà Tấu;
- Công an xã Nam Hải Lăng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương

